

Số: 363 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về hướng dẫn hoạt động
của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

- Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
- Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ 9.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Giảng

QUY ĐỊNH

**Về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên
tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ-VKSTC ngày 12 tháng 10 năm 2020
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; kinh doanh, thương mại, lao động theo trình tự phúc thẩm (sau đây gọi tắt là phiên tòa dân sự phúc thẩm) gồm các giai đoạn trước, trong và sau phiên tòa, kể từ khi Kiểm sát viên nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và hồ sơ vụ án của Tòa án đến khi kết thúc việc kiểm sát bản án, quyết định phúc thẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
2. Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm (sau đây gọi là Kiểm sát viên);
3. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác được phân công nghiên cứu hồ sơ, giúp việc cho Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa (sau đây gọi là người nghiên cứu hồ sơ).

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan, các quy định, hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác của Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 4. Phân công, thay đổi Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ

1. Việc phân công, thay đổi Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo Điều 4 của Quy định về hướng dẫn hoạt

động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm (ban hành kèm theo Quyết định số 458/QĐ-VKSTC ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) (sau đây gọi tắt là Quy định số 458/2019).

2. Trường hợp Kiểm sát viên dự khuyết được phân công kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự, nhưng vì lý do khách quan, Kiểm sát viên dự khuyết này chưa thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS), khi vụ án dân sự đó bị Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử hủy bản án, quyết định phúc thẩm để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm thì Kiểm sát viên đó vẫn có thể được phân công kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự đó.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TRƯỚC PHIÊN TÒA DÂN SỰ PHÚC THẨM

Điều 5. Các hoạt động của Kiểm sát viên trước phiên tòa

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ thực hiện các việc sau:

1. Kiểm sát quyết định đưa vụ án ra xét xử.
2. Nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ tiến hành kiểm sát các nội dung sau:

- a) Kiểm sát việc thụ lý vụ án;
- b) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án;
- c) Nghiên cứu nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của đương sự về kháng cáo, kháng nghị; yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và ý kiến khác của đương sự.
- d) Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời;
- đ) Kiểm sát việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của đương sự; việc xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

3. Yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu cần thiết); Viện kiểm sát xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị (khi có căn cứ);

4. Xây dựng báo cáo và báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án.
5. Xây dựng bản dự kiến diễn biến phiên tòa, dự kiến câu hỏi.
6. Xây dựng dự thảo bài phát biểu.
7. Xây dựng hồ sơ kiểm sát; chuyển trả hồ sơ cho Tòa án.

Điều 6. Kiểm sát Quyết định đưa vụ án ra xét xử

1. Kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định, bao gồm: Hình thức của quyết định theo mẫu do Tòa án nhân dân tối cao ban hành; thẩm quyền ra quyết định, thời hạn ra quyết định theo khoản 1 Điều 286 BLTTDS hoặc khoản 1, khoản 2 Điều 323 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn; nội dung quyết định, việc gửi quyết định theo Điều 290 BLTTDS hoặc khoản 2 Điều 323 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn; vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục thông thường hay theo thủ tục rút gọn. Trường hợp vụ án được xét xử kín, phải bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 15 BLTTDS.

2. Đối với vụ án mà đương sự đã kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị mà có thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng cáo, kháng nghị; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút một phần kháng nghị thì thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 286 BLTTDS.

3. Đối với vụ án dân sự được đưa ra xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn, người nghiên cứu hồ sơ cần kiểm tra các điều kiện để Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn theo khoản 3 Điều 6 Quy định số 458/2019; nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 323 BLTTDS.

4. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng xét xử hoặc Thư ký Tòa án thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi thì thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Quy định số 458/2019.

Điều 7. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

1. Người nghiên cứu hồ sơ vụ án phải nghiên cứu, kiểm tra toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nắm chắc nội dung các tài liệu, chứng cứ đó; kiểm tra tính hợp pháp của việc Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; xác định tài liệu nào là chứng cứ, tài liệu nào không phải là chứng cứ; có cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ không; nhận dạng các vi phạm của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để đưa ra yêu cầu, kiến nghị kịp thời; xác định các tài liệu cần trích cứu, tài liệu, chứng cứ phải sao chụp để xây dựng hồ sơ kiểm sát.

Người nghiên cứu hồ sơ vụ án nghiên cứu theo từng vấn đề cụ thể mà đương sự kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị; các tài liệu, chứng cứ mà đương

sự, Viện kiểm sát làm căn cứ để kháng cáo, kháng nghị; các tài liệu, chứng cứ hoặc quy định của pháp luật mà Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ để giải quyết vụ án,...

2. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 292 BLTTDS hoặc khoản 2 Điều 323 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và tính chất của vụ án, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân phân chia thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án của người được phân công nghiên cứu hồ sơ vụ án, thời gian Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát duyệt án cho phù hợp.

3. Trường hợp người nghiên cứu hồ sơ không phải là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, quá trình nghiên cứu hồ sơ có vướng mắc hoặc đề xuất liên quan đến nội dung vụ án thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định số 458/2019.

4. Kiểm sát viên dự khuyết được phân công tham gia phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định số 458/2019.

5. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu phát hiện vi phạm của Tòa án, người tham gia tố tụng, người nghiên cứu hồ sơ tổng hợp để báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định đường lối giải quyết vụ án hoặc kiến nghị Tòa án, người tham gia tố tụng khắc phục vi phạm theo quy định.

Điều 8. Kiểm sát việc thụ lý vụ án

1. Khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, người được phân công kiểm sát phải kiểm sát về thẩm quyền, thủ tục thụ lý và giải quyết vụ án, kiểm sát văn bản thông báo thụ lý phúc thẩm (bao gồm thời hạn ban hành, gửi thông báo, nội dung, hình thức), kiểm sát căn cứ thụ lý vụ án của Tòa án (bao gồm tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị, việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm), xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, người kháng cáo và những nội dung khác.

2. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, người nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc thụ lý vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời, chú ý xem xét những vấn đề sau:

a) Đơn kháng cáo phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 272 BLTTDS, hình thức đơn kháng cáo theo mẫu do Tòa án nhân dân tối cao ban hành; quyết định kháng nghị phải tuân thủ quy định tại Điều 279 BLTTDS, mẫu kháng nghị phúc thẩm do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

b) Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị phải trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị quy định tại Điều 273 và khoản 1, khoản 2 Điều 280 BLTTDS hoặc theo quy định tại Điều 322 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn.

b1) Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án khi kháng cáo quá hạn, người nghiên cứu hồ sơ vụ án phải căn cứ vào Điều 275 BLTTDS để tiến hành kiểm sát. Nếu phát hiện Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án không đúng quy định của pháp luật thì người nghiên cứu hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Viện ban hành ngay kiến nghị với Tòa án cấp phúc thẩm.

b2) Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị quá hạn, người nghiên cứu hồ sơ phải kiểm tra văn bản giải thích lý do kháng nghị quá hạn để bảo vệ lý do kháng nghị quá hạn tại phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 280 của BLTTDS và Điều 16 của Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 02/2016).

c) Xác định phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề khác liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị.

d) Xác định người kháng cáo là cá nhân hay cơ quan, tổ chức; là đương sự hay người đại diện của đương sự (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền) phải bảo đảm đúng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 272 BLTTDS.

đ) Trường hợp Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn thì người nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Quy định số 458/2019.

e) Xác định thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS và khoản 5 Điều 8 Quy định số 458/2019.

Điều 9. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng

a) Kiểm sát việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 276, Điều 277 và khoản 2 Điều 290 BLTTDS.

Trường hợp đương sự không phối hợp nhận văn bản tố tụng, đương sự không có mặt ở nơi cư trú thì kiểm tra các điều kiện để Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

b) Kiểm sát việc chấp hành quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 286 BLTTDS hoặc khoản 1 Điều 323 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn; thời hạn mở phiên tòa theo khoản 2 Điều 286 BLTTDS hoặc khoản 1 Điều 324 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn.

c) Kiểm sát việc Tòa án (Chánh án, Thẩm phán, Thư ký) thực hiện nhiệm vụ khác từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo quy định của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS.

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng.

Người nghiên cứu hồ sơ kiểm sát việc đương sự chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án tham gia các hoạt động tố tụng của Tòa án; việc đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

3. Trường hợp người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định số 458/2019.

4. Qua kiểm sát, nếu phát hiện vi phạm, người nghiên cứu hồ sơ vụ án tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm theo quy định.

Điều 10. Nghiên cứu nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của các đương sự về kháng cáo, kháng nghị; yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và ý kiến khác của đương sự

1. Người nghiên cứu hồ sơ vụ án phải xem xét những nội dung đương sự kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị (về tố tụng, về nội dung, về áp dụng pháp luật) có đúng không; ý kiến của các đương sự khác về nội dung kháng cáo, kháng nghị; tương tự đối với nội dung đương sự thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng nghị (về tố tụng, về nội dung, về áp dụng pháp luật); ý kiến của các đương sự khác về việc thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng cáo, kháng nghị (nếu có).

2. Người nghiên cứu hồ sơ phải kiểm sát việc đương sự thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng nghị theo quy định tại Điều 284 BLTTDS và xác định hậu quả của việc thay đổi, bổ sung, rút một phần kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thể trao đổi với nhau về những nội dung dự kiến thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị.

3. Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm, ngay sau khi nhận được bản án, quyết định sơ thẩm, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp bản án, quyết định đó. Trong quá trình kiểm sát bản án, quyết định nếu phát hiện vi phạm cần phải kháng nghị phúc thẩm thì Viện kiểm sát cấp sơ thẩm thực hiện kháng nghị ngang cấp. Nếu Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phát hiện vi phạm cần kháng nghị thì thông báo cho Viện kiểm sát cấp sơ thẩm thực hiện kháng nghị ngang cấp. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp chỉ kháng nghị phúc thẩm khi thời hạn kháng nghị phúc thẩm dành cho Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã hết mà Viện kiểm sát đó không kháng nghị.

4. Trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ vụ án xác định bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho một hoặc các bên đương sự mà những đương sự này có tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không kháng cáo mà Viện kiểm sát đã kháng nghị để bảo vệ quyền, lợi ích của họ nhưng họ có văn bản hoặc lời khai từ chối việc bảo vệ quyền lợi cho họ vì họ chấp nhận bản án sơ thẩm thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút nội dung kháng nghị đó.

5. Trường hợp Viện kiểm sát đã kháng nghị, đương sự đã kháng cáo nhưng sau đó người kháng cáo rút đơn kháng cáo và nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút kháng nghị.

6. Trường hợp kháng nghị của Viện kiểm sát có nội dung kháng nghị trùng với nội dung kháng cáo của đương sự, nhưng sau đó người kháng cáo rút đơn kháng cáo thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.

7. Trường hợp Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị, nhưng sau đó Tòa án đã tuyên bản án sơ thẩm lại ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm mà nội dung thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm có liên quan đến nội dung của quyết định kháng nghị thì:

a) Đối với trường hợp Tòa án ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án theo đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS, người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút kháng nghị đối với nội dung kháng nghị mà Tòa án đã sửa chữa, bổ sung bản án.

b) Đối với trường hợp Tòa án ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án không đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền giữ nguyên nội dung kháng nghị, đồng thời tổng hợp vi phạm để dự thảo phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm hoặc kiến nghị tổng hợp.

8. Việc nghiên cứu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, ý kiến khác của đương sự tại Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Quy định số 458/2019.

9. Kiểm tra, xem xét các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã cung cấp tại cấp sơ thẩm; tài liệu, chứng cứ gửi kèm đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị.

10. Kiểm sát các nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Điều 11. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

Khi kiểm sát việc Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, người nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo Điều 11 Quy định số 458/2019.

Điều 12. Kiểm sát việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của đương sự; việc xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

1. Trường hợp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đương sự cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án phải nghiên cứu, kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 96 và khoản 1 Điều 287 BLTTDS.

2. Trường hợp Tòa án tiến hành thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, người nghiên cứu hồ sơ phải kiểm sát việc Tòa án tiến hành thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo các khoản 1, 2 và 5 Điều 13 Quy định số 458/2019. Đồng thời, kiểm sát việc Tòa án chuyển giao tài liệu, chứng cứ được thu thập bổ sung cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2016 (có chuyển ngay, đầy đủ không). Trường hợp Tòa án thực hiện không đúng thì người nghiên cứu hồ sơ tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát để kiến nghị với Tòa án.

Điều 13. Yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ; Viện kiểm sát xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ (nếu cần thiết)

1. Yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ

a) Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người nghiên cứu hồ sơ thấy cần thiết phải yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ thì báo cáo Kiểm sát viên, Kiểm sát viên báo cáo Lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ cho ý kiến, sau đó báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát; nếu được Lãnh đạo Viện kiểm sát đồng ý đề xuất và đồng ý việc Kiểm sát viên ký văn bản yêu cầu thì Kiểm sát viên ký văn bản yêu cầu. Trường

hợp người nghiên cứu hồ sơ không phải là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì việc báo cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Quy định số 458/2019.

b) Văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Quy định số 458/2019 và theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

c) Việc ban hành văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ và theo dõi việc Tòa án thực hiện yêu cầu thực hiện theo điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 13 Quy định số 458/2019.

2. Viện kiểm sát xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ

a) Trường hợp cần thiết phải thay đổi, bổ sung kháng nghị theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 284 BLTTDS, Viện kiểm sát đã kháng nghị có thể xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS để làm cơ sở thay đổi, bổ sung kháng nghị;

b) Trường hợp cần thiết phải rút kháng nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 284 BLTTDS, Viện kiểm sát đã kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thể xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS để làm cơ sở rút kháng nghị.

3. Trình tự, thủ tục xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Quyết định số 458/2019.

4. Việc thông báo và chuyển tài liệu, chứng cứ do Viện kiểm sát xác minh, thu thập được thực hiện theo Điều 9 Thông tư liên tịch số 02/2016.

Điều 14. Xây dựng báo cáo và báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án

1. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án, người nghiên cứu hồ sơ xây dựng Báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc dân sự (sau đây gọi tắt là báo cáo đề xuất) nêu quan điểm giải quyết vụ án theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành. Báo cáo đề xuất nêu rõ nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình hoặc do Tòa án thu thập (có viện dẫn bút lục trong hồ sơ vụ án), quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị, nêu rõ quan điểm của người nghiên cứu hồ sơ đối với từng nội dung kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; đường lối giải quyết vụ án (có viện dẫn điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật cụ thể); những thiếu sót, tồn tại khác của cấp sơ thẩm mà chưa được kháng cáo, kháng nghị, cụ thể ở bút lục nào và đề xuất giải quyết tồn tại, thiếu sót (nếu có). Trường hợp người nghiên cứu hồ sơ không phải là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Báo cáo đề xuất phải có nhận xét (thẩm định) của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Viện kiểm sát đối với Viện kiểm

sát cấp tỉnh; của Kiểm sát viên cao cấp, Lãnh đạo Viện nghiệp vụ, Lãnh đạo Viện kiểm sát đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

2. Việc báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Quy định số 458/2019; đồng thời, lưu ý một số trường hợp sau:

a) Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa người nghiên cứu hồ sơ với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hoặc Lãnh đạo trực tiếp về nội dung kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới thì báo cáo Phó Viện trưởng phụ trách cho ý kiến. Phó Viện trưởng phụ trách báo cáo Viện trưởng quyết định.

b) Trường hợp Viện trưởng quyết định phải thay đổi, bổ sung hoặc rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới thì Lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ thông báo bằng văn bản ý kiến của Viện trưởng cho Viện kiểm sát cấp dưới. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân đã kháng nghị phúc thẩm phải chấp hành ý kiến chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên. Việc thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị được thực hiện theo quy định tại Điều 284 BLTTDS.

c) Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa người nghiên cứu hồ sơ với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hoặc Lãnh đạo trực tiếp về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo của đương sự thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này.

Điều 15. Xây dựng bản dự kiến diễn biến tại phiên tòa, dự kiến câu hỏi

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phải xây dựng dự kiến diễn biến tại phiên tòa, dự kiến câu hỏi. Việc xây dựng dự kiến diễn biến tại phiên tòa, dự kiến câu hỏi được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy định số 458/2019, đồng thời, lưu ý một số vấn đề sau:

1. Chuẩn bị ý kiến phát biểu tranh luận, phương án đối đáp với đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong trường hợp họ có ý kiến về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị để bảo vệ kháng nghị.

2. Dự kiến tình huống trao đổi với Hội đồng xét xử về vấn đề cần hỏi để làm rõ yêu cầu kháng cáo, kháng nghị.

Điều 16. Xây dựng dự thảo bài phát biểu

1. Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án và có kết luận về đường lối giải quyết vụ án của Lãnh đạo Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phải xây dựng dự thảo bài phát biểu theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành theo quy định tại Điều 30 Thông tư liên tịch số 02/2016.

2. Dự thảo bài phát biểu phải được Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Viện kiểm sát cho ý kiến đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Lãnh đạo Viện nghiệp vụ,

Lãnh đạo Viện kiểm sát đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho ý kiến trước khi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Điều 17. Xây dựng hồ sơ kiểm sát; chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án

1. Việc xây dựng hồ sơ kiểm sát được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy định số 458/2019.

2. Hồ sơ kiểm sát ở cấp phúc thẩm được xây dựng độc lập với hồ sơ kiểm sát ở cấp sơ thẩm. Việc lập và xây dựng hồ sơ kiểm sát phải tuân thủ theo hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hồ sơ kiểm sát được sắp xếp theo từng tập; tài liệu được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Việc lập bản kê danh mục tài liệu, đánh số mục lục hồ sơ kiểm sát phải tương thích với số mục lục trong hồ sơ vụ án do Tòa án lập, phù hợp với quy định về công tác văn thư lưu trữ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Đối với các đơn vị đang thực hiện số hóa hồ sơ kiểm sát, thực hiện theo khoản 3 Điều 22 Quy định số 458/2019.

4. Khi nghiên cứu xong hồ sơ vụ án (trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 292 BLTTDS), người nghiên cứu hồ sơ phải chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án cùng cấp theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 02/2016.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA DÂN SỰ PHÚC THẨM

Điều 18. Các hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Theo dõi và ghi chép diễn biến tại phiên tòa.
2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa.
3. Kiểm sát việc rút đơn khởi kiện; việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; kiểm tra lại hoặc thực hiện việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị tại phiên tòa.
4. Kiểm sát việc Hội đồng xét xử chấp nhận tài liệu, chứng cứ được giao nộp tại phiên tòa, công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa; Kiểm sát viên yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa.
5. Hỏi và kiểm sát việc hỏi, tranh luận, đối đáp;
6. Kiểm sát việc tạm ngừng, hoãn phiên tòa;
7. Kiểm sát việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa;

8. Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm;
9. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại phiên tòa.
10. Trình bày và phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.
11. Kiểm sát việc nghị án, tuyên án và kiểm tra biên bản phiên tòa.

Điều 19. Theo dõi và ghi chép diễn biến phiên tòa

Việc theo dõi và ghi chép diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo Điều 25 Quy định số 458/2019.

Điều 20. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa được thực hiện theo khoản 1 Điều 26 Quy định số 458/2019.

2. Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo khoản 2 Điều 26 Quy định số 458/2019.

3. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

a) Khi có căn cứ theo quy định tại Điều 296 BLTTDS mà Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa thì Kiểm sát viên phải đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên thì Kiểm sát viên vẫn tiếp tục tham gia phiên tòa, xác định đây là vi phạm về tố tụng để phát biểu ý kiến tại phiên tòa.

Trường hợp đương sự không có mặt theo giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai của Tòa án, mà chưa được làm rõ lý do vắng mặt, thì Kiểm sát viên đề nghị Thư ký phiên tòa cần kiểm tra lý do vắng mặt của đương sự theo quy định tại Điều 297 và khoản 2 Điều 237 BLTTDS.

b) Trường hợp Tòa án triệu tập người giám định, người phiên dịch tham gia phiên tòa mà tại phiên tòa, phát hiện người giám định, người phiên dịch thuộc trường hợp phải thay đổi thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 84 BLTTDS.

4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Kiểm sát viên kiểm sát việc thực hiện các thủ tục tố tụng: Chuẩn bị khai mạc phiên tòa và bắt đầu phiên tòa theo Điều 297 BLTTDS, thủ tục hỏi tại phiên tòa và công bố tài liệu, chứng cứ theo các điều 298, 303 BLTTDS; trình bày tại phiên tòa theo Điều 302 BLTTDS; tranh luận tại phiên tòa theo Điều 305 BLTTDS; nghị án, tuyên án theo Điều 307 BLTTDS hoặc theo khoản 3, khoản 4 Điều 324 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn.

Điều 21. Kiểm sát việc rút đơn khởi kiện; việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; kiểm tra lại hoặc thực hiện việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị tại phiên tòa.

1. Kiểm sát viên kiểm sát việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện

Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Kiểm sát viên phải kiểm sát việc Hội đồng xét xử phúc thẩm có hỏi ý kiến của bị đơn hay không, ý kiến của bị đơn đồng ý hay không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 299 BLTTDS, đồng thời lưu ý:

a) Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Kiểm sát viên kiểm sát trình tự, thủ tục mở phiên tòa phúc thẩm trong trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa và kiểm sát việc tiếp tục xét xử phúc thẩm trong trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa;

b) Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa mà bị đơn đồng ý thì Kiểm sát viên kiểm sát Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS.

2. Kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; kiểm tra lại hoặc thực hiện việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

Kiểm sát viên kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; kiểm tra lại hoặc thực hiện việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa theo quy định tại Điều 284 BLTTDS, đồng thời lưu ý:

a) Khi chưa hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà có việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị thì Kiểm sát viên kiểm sát việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kiểm tra lại việc thay đổi, bổ sung kháng nghị theo thủ tục chung.

b) Khi thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết mà người kháng cáo thay đổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị thay đổi, bổ sung kháng nghị thì Kiểm sát viên kiểm sát nội dung kháng cáo thay đổi, bổ sung, kiểm tra nội dung kháng nghị thay đổi, bổ sung có vượt quá phạm vi ban đầu không, để phát biểu tại phiên tòa.

c) Trường hợp người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút toàn bộ kháng nghị, thì Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần hoặc toàn bộ vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo hoặc Viện kiểm sát đã rút kháng nghị (do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định, nếu việc rút kháng cáo, kháng

ngộ trước khi mở phiên tòa, do Hội đồng xét xử ra quyết định nếu việc rút kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa theo khoản 2 Điều 289 BLTTDS).

Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút một phần kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về việc người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị và quyết định đình chỉ xét xử phần đã rút trong bản án phúc thẩm theo khoản 2 Điều 289 BLTTDS.

Trình tự, thủ tục kiểm sát bản án, quyết định phúc thẩm theo Điều 5, Điều 7 và Điều 13 Quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi tắt là Quy định số 399/2019).

Điều 22. Kiểm sát việc Hội đồng xét xử chấp nhận tài liệu, chứng cứ được giao nộp tại phiên tòa, công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa; Kiểm sát viên yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa

1. Trường hợp tại phiên tòa, đương sự mới cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận thì Kiểm sát viên kiểm sát các điều kiện chấp nhận tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 287 BLTTDS.

2. Kiểm sát viên kiểm sát việc Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án, cho nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, cho xem băng ghi hình, đĩa ghi hình hoặc xem xét vật chứng... theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Quy định số 458/2019.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Quy định số 458/2019.

Điều 23. Kiểm sát việc hỏi, tranh luận, đối đáp; Kiểm sát viên hỏi, tranh luận

1. Kiểm sát viên kiểm sát việc hỏi theo quy định tại Điều 303 BLTTDS và các khoản 1, 2, và 3 Điều 29 Quy định số 458/2019; kiểm sát thủ tục tranh luận, đối đáp tại phiên tòa; việc chấp hành trình tự khi tranh luận; việc bảo đảm thời gian cho các đương sự tranh luận. Khi kiểm sát việc hỏi, tranh luận, đối đáp Kiểm sát viên có thể đề nghị chủ tọa phiên tòa cắt các ý kiến không liên quan đến nội dung vụ án theo quy định tại Điều 305 BLTTDS.

2. Kiểm sát viên hỏi các đương sự để làm rõ các các tình tiết còn mâu thuẫn trong phạm vi xét xử phúc thẩm. Trình tự hỏi và nguyên tắc hỏi của Kiểm sát viên thực hiện theo điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 249, Điều 303 BLTTDS và khoản 4 Điều 29 Quy định số 458/2019.

Kiểm sát viên tranh luận với đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự để bảo vệ kháng nghị theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 305 BLTTDS.

Điều 24. Kiểm sát việc tạm ngừng, hoãn phiên tòa

1. Kiểm sát viên trao đổi nắm bắt thông tin phiên tòa về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Quy định số 458/2019.

2. Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa, kiểm sát việc tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 304 BLTTDS và khoản 2 Điều 30 Quy định số 458/2019.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên kiểm sát việc Hội đồng xét xử kiểm tra sự có mặt, vắng mặt, căn cước của đương sự và những người tham gia tố tụng khác. Kiểm sát viên kiểm sát việc hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 BLTTDS và khoản 3 Điều 30 Quy định số 458/2019.

4. Kiểm sát viên phát biểu về việc tạm ngừng, hoãn phiên tòa và kiểm sát quyết định tạm ngừng, quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Quy định số 458/2019.

Điều 25. Kiểm sát việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm

Trường hợp các đương sự tự thỏa thuận được tại phiên tòa, Kiểm sát viên căn cứ Điều 300 BLTTDS để xác định rõ sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; kiểm sát việc chủ tọa phiên tòa có giải thích cho đương sự biết hậu quả của việc tự nguyện thỏa thuận không .

Khi Hội đồng xét xử yêu cầu Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng...kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quan điểm của Viện kiểm sát về sự thỏa thuận của các đương sự có phù hợp với quy định của pháp luật không? Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 300 BLTTDS hoặc không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Điều 26. Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm

1. Khi Hội đồng xét xử quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm, Kiểm sát viên kiểm sát quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ

xét xử phúc thẩm tại phiên tòa theo quy định tại Điều 295 BLTTDS. Khi Hội đồng xét xử yêu cầu phát biểu ý kiến, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quan điểm của Viện kiểm sát về việc tạm đình chỉ, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Trình tự, thủ tục kiểm sát quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tại phiên tòa thực hiện theo Điều 13 Quy định số 399/2019.

3. Việc kiểm sát quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm được thực hiện tương tự như kiểm sát quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp phát hiện quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm có vi phạm pháp luật thì Kiểm sát viên báo cáo ngay với Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát để Thông báo phát hiện vi phạm pháp luật trong quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Quy định này.

Điều 27. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại phiên tòa

Kiểm sát viên kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Điều 33 Quy định số 458/2019.

Điều 28. Trình bày và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Kiểm sát viên trình bày kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 302 BLTTDS.

2. Kiểm sát viên chỉnh sửa dự thảo bài phát biểu cho phù hợp với diễn biến phiên tòa và phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm theo Điều 306 BLTTDS hoặc khoản 5 Điều 324 BLTTDS đối với vụ án theo thủ tục rút gọn.

Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung theo quy định tại khoản các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 Thông tư liên tịch số 02/2016 và Điều 16 của Quy định này; hình thức bài phát biểu theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Trường hợp diễn biến tại phiên tòa khác với nội dung, quan điểm giải quyết vụ án đã được Lãnh đạo Viện kiểm sát cho ý kiến thì Kiểm sát viên quyết định nội dung phát biểu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau đó, về báo cáo ngay cho Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát biết.

3. Trường hợp tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát hiện những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm mà chưa được đương sự kháng cáo thì Kiểm sát viên trình bày về những vi phạm đó để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

4. Trường hợp tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án làm thay đổi nội dung kháng nghị thì Kiểm sát viên xem xét rút kháng nghị nếu thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không trái pháp luật và không gây thiệt hại cho bên thứ ba hoặc cho Nhà nước. Trong trường hợp này, Kiểm sát viên phát biểu về tính hợp pháp của thỏa thuận của các đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

5. Trường hợp Viện kiểm sát đã kháng nghị, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì cần phân biệt các trường hợp sau:

a) Trường hợp bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 BLTTDS thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung kháng nghị;

b) Trường hợp bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS thì Kiểm sát viên rút kháng nghị;

c) Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện mà Tòa án không thể hỏi ý kiến bị đơn do bị đơn không đến phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thì căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 BLTTDS coi như bị đơn từ bỏ quyền của mình và đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa rút kháng nghị.

6. Trường hợp Viện kiểm sát đã kháng nghị, tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo thì cần phân biệt:

a) Trường hợp nội dung kháng nghị giống với nội dung đương sự kháng cáo thì Kiểm sát viên thực hiện theo khoản 6 Điều 10 Quy định này;

b) Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng hoặc quyền, lợi ích của đương sự không được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa và không biết mình bị thiệt hại thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung kháng nghị.

7. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện, người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo thì Kiểm sát viên thực hiện theo khoản 5 Điều 10 Quy định này.

8. Trường hợp phiên tòa mở lại sau khi tạm ngừng thì Kiểm sát viên phát biểu như sau:

a) Trường hợp trước khi tạm ngừng phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu theo quy định tại Điều 30 Thông tư liên tịch số 02/2016 thì khi mở lại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, các căn cứ để tiếp tục phiên tòa, quan điểm về việc giải quyết đối với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị trên (cơ sở những tình tiết để mở lại phiên tòa) từ giai đoạn tiếp theo. Trường hợp phiên tòa mở lại sau khi tạm ngừng có những tình tiết mới làm thay đổi nội dung đã phát biểu trước đó thì Kiểm sát viên phát biểu thay đổi các nội dung đã phát biểu cho phù hợp với tình tiết mới tại phiên tòa;

b) Trường hợp trước khi tạm ngừng phiên tòa, Kiểm sát viên chưa phát biểu thì Kiểm sát viên phát biểu đầy đủ nội dung theo Điều 30 Thông tư liên tịch số 02/2016.

9. Trường hợp Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận thì Kiểm sát viên phát biểu theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Quy định này.

10. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu rút quyết định kháng nghị tại phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 284 BLTTDS. Trường hợp phát hiện vi phạm mà vi phạm đó chưa được Viện kiểm sát cấp dưới kháng nghị thì Kiểm sát viên không quyết định việc thay đổi, bổ sung kháng nghị mà trình bày về những vi phạm đó để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Điều 29. Kiểm sát việc nghị án, tuyên án và kiểm tra biên bản phiên tòa

Kiểm sát viên kiểm sát việc nghị án, tuyên án và kiểm tra biên bản phiên tòa theo quy định tại Điều 35 Quy định số 458/2019.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN SAU PHIÊN TÒA DÂN SỰ PHÚC THẨM

Điều 30. Các hoạt động của Kiểm sát viên sau phiên tòa

1. Gửi bài phát biểu, báo cáo kết quả xét xử.
2. Thông báo phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
3. Kiểm sát việc giao gửi bản án, quyết định.
4. Kiểm sát bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án.
5. Hoàn thiện, lưu hồ sơ kiểm sát.

Điều 31. Gửi bài phát biểu, báo cáo kết quả xét xử

1. Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm gửi bài phát biểu theo khoản 1 Điều 37 Quy định số 458/2019.

2. Kiểm sát viên phải báo cáo kết quả xét xử vụ án ngay sau phiên tòa với Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát. Báo cáo kết quả xét xử phúc thẩm được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

3. Báo cáo kết quả xét xử phúc thẩm được làm thành 04 bản, 01 bản báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình, 01 bản báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, 01 bản gửi Viện kiểm sát cấp sơ thẩm và 01 bản lưu hồ sơ kiểm sát.

Điều 32. Thông báo phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

1. Đối với những vi phạm của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã được Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa nhưng không được chấp nhận thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát; trường hợp vi phạm không mang tính chất nghiêm trọng thì đề xuất tổng hợp vi phạm để kiến nghị chung, trường hợp có vi phạm nghiêm trọng về nội dung hoặc về thủ tục tố tụng thì đề xuất Lãnh đạo Viện kiểm sát ban hành Thông báo phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Thông báo phát hiện vi phạm) đến Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm.

2. Thông báo phát hiện vi phạm phải nêu rõ nội dung vụ án, vi phạm của Tòa án và đề nghị của Viện kiểm sát đã tham gia phiên tòa phúc thẩm. Thông báo phát hiện vi phạm do Lãnh đạo Viện kiểm sát ký.

3. Trường hợp Viện kiểm sát nhận được đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm của đương sự, Thông báo phát hiện vi phạm của cơ quan, tổ chức thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, Thông báo phát hiện vi phạm phải chuyển cho Viện kiểm sát có thẩm quyền để xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm và thông báo cho người gửi đơn, cơ quan, tổ chức đã thông báo phát hiện vi phạm biết.

Điều 33. Kiểm sát việc giao, gửi bản án, quyết định

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa kiểm sát thời hạn Tòa án gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp và chủ thể khác theo khoản 1 Điều 315 BLTTDS. Trường hợp quá thời hạn gửi bản án, quyết định theo quy định

của BLTTDS mà Tòa án không gửi cho Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên tổng hợp vi phạm, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát đề kiến nghị với Tòa án.

Điều 34. Kiểm sát bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án

1. Kiểm sát viên kiểm sát bản án của Tòa án cấp phúc thẩm theo các điều 4, 5 và 7 Quy định số 399/2019.

2. Kiểm sát viên kiểm sát quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm tại Điều 25 và Điều 26 Quy định này.

Điều 35. Hoàn thiện, lưu hồ sơ kiểm sát

1. Sau khi hoàn thành việc kiểm sát bản án, quyết định phúc thẩm, Kiểm sát viên kiểm tra lại tài liệu trong hồ sơ kiểm sát, bổ sung bút lục đối với tài liệu mới, bổ sung mục lục hồ sơ kiểm sát, hoàn thiện hồ sơ kiểm sát ở giai đoạn phúc thẩm theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Việc lưu hồ sơ kiểm sát thực hiện theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những nội dung hướng dẫn trước đây trái với Quy định này bị bãi bỏ.

3. Những nội dung đã được quy định tại Quy chế công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, ban hành kèm theo Quyết định số 364 ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây viết tắt là Quy chế số 364/2017), Quy định số 399/2019 và được quy định cụ thể, chi tiết hơn tại Quy định này thì được thực hiện theo Quy định này.

4. Những nội dung đã được quy định tại Quy chế số 364/2017, Quy định số 399/2019 mà không có trong Quy định này thì thực hiện theo Quy chế số 364/2017 và Quy định số 399/2019.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này.

2. Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình (Vụ 9) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ 10 tham mưu, giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong toàn Ngành.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị, Viện kiểm sát báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ 9) để hướng dẫn, tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định./.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Giảng